

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 26/2015/TT-BTC ngày
27/02/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

Ngành nghề: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2021

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP PHẦN MỀM NEXTIT

[05] Mã số thuế: 0316245045

[06] Địa chỉ: 108/34 Ngô Chí Quốc - Khu Phố 2 - Phường Bình Chiểu

[07] Quận/Huyện: Thành phố Thủ Đức

[08] Tỉnh/Thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh

[09] Điện thoại: 0973129847

[10] Fax: [11] E-mail: oanhnguyenk8@gmail.com

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/Huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax: [19] E-mail:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Gia hạn []

Lý do gia hạn:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	[22]	4.732.581
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23] 39.014.159	[24] 3.809.772
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	[25]	3.809.772
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26] 283.136.700	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 22.000.000	[28] 2.200.000
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30] 0	[31] 0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 22.000.000	[33] 2.200.000
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a] 0	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34] 305.136.700	[35] 2.200.000
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])	[36]	(1.609.772)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm	[37]	3.203.545
2	Điều chỉnh tăng	[38]	0
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh	[39]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)	[40a]	0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	0

3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])	[40]	0
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0)	[41]	3.138.808
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn	[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])	[43]	3.138.808

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Ngọc Thanh

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHDV: Hàng hoá dịch vụ

Hệ trợ hạch toán MLNSNN

Hạch toán chỉ tiêu [40] vào tiểu mục 1701